

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HS-ST
Ngày: 30/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Huân – CB Hưu trí tại xã Quảng Liên, huyện Quảng Trạch

Bà Đậu Thị Phú – Nguyên là giáo viên đã nghỉ hưu tại xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Đặng Văn T** (Tên gọi khác: Cu Đ), Sinh năm 1992 tại: Quảng B; Nơi cư trú: Tổ 29, khu phố Thắng L, thị trấn Tân Ph, huyện Đồng Ph, tỉnh Bình P; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Đặng Văn T (đã chết) và con bà: Chu Thị H; Vợ: Có quan hệ chung sống như vợ chồng với chị Phạm Nguyễn Bảo T, có 01 con chung sinh năm 2017; Tiền sự: không; Có 02 tiền án: Ngày 20/3/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 05/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù giam về tội Cưỡng đoạt tài sản; nhân thân: ngày 15/3/2018 bị Cơ quan Công an huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ra Quyết định khởi tố bị can về tội “cướp giật tài sản”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ từ ngày 12/01/2018 đến ngày 15/01/2018 thì thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Tạm giam cho đến nay. Theo lệnh trích xuất, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: **Trần Văn V**, sinh ngày: 11/01/2000, tại: huyện Đồng P, tỉnh Bình Ph; Nơi cư trú: Tổ 29, khu phố Thắng L, thị trấn Tân Ph, huyện Đồng P, tỉnh Bình Ph; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Trần Văn D và con bà: Đinh Thị Th; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 15/3/2018 bị Cơ quan Công an huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ra Quyết định khởi tố bị can về tội “cướp giật tài sản”.

Bị cáo bị Công an huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ từ ngày 19/10/2017 đến ngày 24/10/2017 thì thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Tạm giam trong vụ án khác. Theo lệnh trích xuất, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn V:

Bà Trần Thị A – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn V:

Bà Đinh Thị Th (mẹ đẻ); Trú tại: Tổ 29, khu phố Thắng L, thị trấn Tân Ph, huyện Đồng P, tỉnh Bình Ph, vắng mặt.

Bị hại:

Vợ chồng ông Hoàng Duy Ph, sinh năm 1953, bà Nguyễn Thị Ngh, sinh năm 1956; Cùng trú tại: thôn Hưng L, xã Quảng H, huyện Quảng T, tỉnh Quảng B, có mặt.

Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980; Trú tại: thôn Di L, xã Quảng T, huyện Quảng T, tỉnh Quảng B, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Đặng Thị Thị T, sinh năm 1985; Trú tại: thôn Minh S, xã Quảng Đ, huyện Quảng T, tỉnh Quảng B (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người làm chứng:

Chị Phạm Nguyễn Bảo T, sinh năm 1992; Trú tại: khu phố Thắng L, thị trấn Tân P, huyện Đồng Ph, tỉnh Bình Ph, vắng mặt.

Ông Đặng Ngọc Th, sinh năm 1964; Trú tại: thôn Minh S, xã Quảng Đ, huyện Quảng T, tỉnh Quảng B, vắng mặt.

Anh Trần Xuân H, sinh năm 1978; Trú tại: thôn Minh S, xã Quảng Đ, huyện Quảng T, tỉnh Quảng B, vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986; Trú tại: thôn Minh S, xã Quảng Đ, huyện Quảng T, tỉnh Quảng B, vắng mặt.

Bà Chu Thị H, sinh năm 1963; Trú tại: khu phố Thắng L, thị trấn Tân Ph, huyện Đồng P, tỉnh Bình Ph. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 15 tháng 10 năm 2017, Đặng Văn T, Trần Văn V cùng với chị Phạm Nguyễn Bảo T đến nhà chị Đặng Thị T mượn 01 xe mô tô biển kiểm

soát 73E1-269.75, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 150, màu sơn đen và 02 mũ bảo hiểm của chị T để đi chợ. Sau khi chở T đi chợ về, Tuấn nói với V: “anh em mình đi ra đường kiếm tiền tiêu”. V đồng ý và hiểu T rủ đi ra đường xem có ai sơ hở thì cướp giật tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô chở V ngồi phía sau chạy trên Quốc lộ 1A từ xã Quảng Đ theo hướng Bắc – Nam, khi chạy qua cầu R khoảng 01 km, thuộc địa phận thôn Di L, xã Quảng T, huyện Quảng T thì T phát hiện một người đàn ông điều khiển xe mô tô chạy ngược chiều theo hướng Nam – Bắc, chở phía sau người phụ nữ (sau này mới biết là vợ chồng ông Ph, bà Ngh), ở giữa có một cháu nhỏ (sau này mới biết là cháu Nguyễn Hoàng Nhật H) và 01 túi xách màu đen. T nói với V: “mi có thấy chiếc túi xách đó không?”, V trả lời: “có”. Lúc này, T điều khiển xe mô tô quay lại theo hướng Nam – Bắc và tăng ga đuổi theo áp sát phía bên trái xe mô tô do ông Ph điều khiển, đồng thời, V ngồi phía sau dùng tay phải giật mạnh chiếc túi xách để phía trước bụng của bà Ngh khiến bà Ngh ngã xuống đường. Sau khi cướp giật được túi xách, T điều khiển xe tẩu thoát ra hướng Bắc đến cách đèo Ngang khoảng 01 km thì rẽ phải, chạy đến cổng đập Trén thuộc thôn Vĩnh S, xã Quảng Đ, huyện Quảng T thì dừng lại và đưa xe cho V chạy về trả lại cho chị T, còn T mở túi xách vừa cướp giật được, lấy toàn bộ số tiền, vàng, vòng đeo tay rồi vứt túi xách xuống ruộng phía bắc của Đập Trén. Khoảng 15 phút sau, V mượn xe mô tô của anh C quay lại chở T về nhà tạm tại xã Quảng Đ. Tại đây, T, V kiểm đếm số tài sản vừa cướp giật được gồm 85.000.000 đồng (tiền ngân hàng nhà nước Việt nam), 01 vòng đeo tay và 05 nhẫn vàng. T chia cho V số tiền là 17.000.0000 đồng, số tiền và vàng còn lại T cất giữ. Sau đó, T và V lên Quốc lộ 1A đón xe khách bỏ trốn vào Bình Ph. Sau khi vào Bình Ph, T đưa 05 nhẫn vàng cho chị Phạm Nguyễn Bảo T đi bán được số tiền 33.000.000 đồng. T đưa tiếp cho Vũ 02 lần với số tiền là 3.000.000 đồng. Số tiền còn lại, T và Tr sử dụng để chữa bệnh cho con và tiêu xài cá nhân trong quá trình lẩn trốn. Đến ngày 19/10/2017, Trần Văn V ra đầu thú tại Công an huyện Đồng Ph, tỉnh Bình Ph. Đặng Văn T bỏ trốn đến ngày 12/01/2018, bị Công an huyện Sa Th, tỉnh Kon T bắt giữ theo Quyết định truy nã bị can số 02 ngày 24/10/2017 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng T.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng T đã xác minh, làm rõ tài sản thiệt hại của vợ chồng ông Hoàng Duy Ph, bà Nguyễn Thị Ngh bao gồm: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 85.000.000 đồng; 05 nhẫn kim loại màu vàng, loại vàng 9999, mỗi nhẫn có trọng lượng 02 chỉ; 01 vòng đeo tay làm bằng kim loại màu vàng xanh, bên ngoài có in họa tiết 02 con cá màu vàng nhặt quay đầu vào nhau, có đường kính 06 cm, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động đen trắng hiệu Viettel V6302, màu đen, đã qua sử dụng; 01 ví da cầm tay màu đỏ đã qua sử dụng; 01 túi xách màu đen đã qua sử dụng; 09 chìa khóa các loại và một số hóa đơn, chứng từ.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 49/KL-HĐĐG ngày 22/11/2017 và kết luận số 13/KL-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài

sản trong tổ tụng hình sự huyện Quảng T kết luận: 05 nhẫn kim loại màu vàng 9999, hình tròn, mỗi nhẫn có trọng lượng 02 chỉ có giá trị tại thời điểm tháng 10 năm 2017 là 35.500.000 đồng; 01 điện thoại di động đen trắng hiệu Viettel V6302, màu đen có giá trị tại thời điểm tháng 10 năm 2017 là 175.000 đồng; 01 ví da cầm tay màu đỏ có giá trị tại thời điểm tháng 10 năm 2017 là 140.000 đồng; 01 túi xách màu đen có giá trị tại thời điểm tháng 10 năm 2017 là 140.000 đồng; 01 vòng đeo tay làm bằng kim loại màu vàng xanh, bên ngoài có in họa tiết 02 con cá màu vàng nhặt quay đầu vào nhau, có đường kính 06 cm, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm tháng 10/2017 là 100.000 đồng.

Tổng giá trị thiệt hại về tài sản của ông Hoàng Duy Ph và Nguyễn Thị Ngh do hành vi cướp giật tài sản của Đặng Văn T và Trần Văn V gây ra là: 121.055.000 đồng.

Quá trình điều tra mở rộng án, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng T còn làm rõ: ngoài vụ cướp giật tài sản trên, T và V còn thực hiện 01 vụ Cướp giật tài sản khác trên địa bàn xã Quảng T, huyện Quảng T. Cụ thể:

Khoảng 08 giờ ngày 10/10/2017, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 73N8-0825 chở V phía sau đi từ xã Quảng Đ theo hướng Bắc – Nam trên Quốc lộ 1A, khi chạy qua cầu R khoảng 02km thì phát hiện chị Nguyễn Thị Đ điều khiển xe mô tô chạy ngược chiều, để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A39 màu vàng ở túi quần phía sau, thấy vậy, T nói với V: “mì có thấy chiếc điện thoại đó không?”, V trả lời: “có”, và ngầm hiểu ý của T là cướp giật chiếc điện thoại của chị Đ. T điều khiển xe mô tô quay lại theo hướng Nam – Bắc rồi đuổi theo áp sát phía bên trái xe mô tô của chị Đ đang điều khiển, đồng thời, V dùng tay phải giật mạnh chiếc điện thoại di động. Sau đó, T điều khiển xe mô tô bỏ trốn về nhà ở tạm tại xã Quảng Đ. Ngày 12/10/2017, T đem chiếc điện thoại di động trên cho chị Tr đến bán tại 01 cửa hàng điện thoại di động (không xác định được) tại khu vực xã Quảng T và xã Cảnh D với giá 1.500.000 đồng, T chia cho V số tiền 200.000 đồng, mua thuốc cho con hết 450.000 đồng, số còn lại T tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 49/KL-HĐĐG ngày 22/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quảng T kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A39 màu vàng, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm tháng 10/2017 là 3.861.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng T đã tạm giữ và trả lại cho chị Đặng Thị T 01 xe mô tô biển kiểm soát 73E1-269.75, nhãn hiệu Yamaha, loại Exxciter 150, màu đen, số máy 180889, số khung 167983, phần vỏ được dán decal sọc xanh, có dòng chữ Monster energy, đã qua sử dụng; 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu Napoli, màu đỏ, viền màu đen, có kính chắn gió phía trước, đã qua sử dụng; 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu Mobiphone, màu xanh trắng, đã qua sử dụng; tạm giữ và trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngh 01 vòng đeo tay làm

bằng kim loại màu vàng xanh, bên ngoài có in họa tiết 02 con cá màu vàng nhặt quay đầu vào nhau, có đường kính 06 cm, đã qua sử dụng.

Thu giữ 01 áo khoác gió màu xanh sẫm, phía trước ngực bên trái có hình tròn màu trắng, có kí hiệu Nike, đã qua sử dụng chuyển theo vụ án để xử lý.

Đối với các vật chứng gồm 01 túi xách màu đen dài 30cm, cao 20cm và các tài sản khác có trong túi xách, ngày 13/02/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Tr đã tổ chức truy tìm nhưng không có kết quả.

Về dân sự:

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn V và gia đình đã tự nguyện giao nộp số tiền 21.700.000 đồng để bồi thường cho người bị hại, trong đó: bồi thường cho chị Nguyễn Thị Đ số tiền 1.930.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngh số tiền 19.770.000 đồng.

Bị cáo Đặng Văn T tự nguyện giao nộp 1.000.000 đồng để bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngh.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Tr đã giao toàn bộ số tiền trên cho các bị hại.

Tại bản Cáo trạng số 17/VKSQT ngày 26 tháng 4 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố bị cáo Đặng Văn T và Trần Văn V về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại các điểm c, d, g khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã phát biểu lời luận tội, chứng minh và phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng, đồng thời có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi áp dụng và quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng các điểm c, d, g khoản 2 Điều 136, điểm p khoản 1 Điều 46, tiết 1 điểm g, điểm n khoản 1 Điều 48 BLHS 1999 xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 7 đến 8 năm tù; áp dụng các điểm d, g khoản 2 Điều 136, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, tiết 1 điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69 và Điều 74 BLHS 1999 tháng tù và xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 5 đến 6 năm tù.; Về dân sự: đề nghị áp dụng các Điều 584, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo Đặng Văn T và Trần Văn V phải liên đới bồi thường cho những người bị hại số tiền còn thiếu.

Ý kiến của người bào chữa: nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, với mức hình phạt tù từ 5 đến 6 năm tù mà kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo V là quá nghiêm khắc. Vì tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức về pháp luật của bị cáo còn hạn chế, vì vậy đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ khoảng 3 đến 5 năm tù.

Các bị cáo nhất trí với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Điều tra Công an huyện Quảng Trạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Như vậy hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về cấu thành tội phạm: tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo điều khiển xe mô tô trên đường Quốc lộ 1A, lợi dụng sự quản lý tài sản lỏng lẻo của các chủ sở hữu nên đã nhanh chóng tiếp cận đối tượng, tiến hành cướp giật tài sản và nhanh chóng tẩu thoát. Tổng số tiền mà các bị cáo đã cướp giật được là 124.916.000. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp và thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng trong vụ án, phù hợp với thời gian, địa điểm và quá trình diễn biến phạm tội cũng như các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước thời điểm 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 (ngày BLHS 2015 có hiệu lực pháp luật). Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “cướp giật tài sản” với các tình tiết định khung tăng nặng quy định tại các điểm d, g khoản 2 Điều 136 BLHS 1999; đối với bị cáo Đặng Văn T còn phải chịu tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 BLHS 1999. Như vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo: Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội, hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn có thể gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác. Các bị cáo đều là những thanh niên mới lớn, có sức khỏe nhưng không chịu lao động tạo thu nhập hợp pháp để nuôi sống bản thân và gia đình mà đua đòi, thích hưởng thụ từ thành quả lao động của người khác nên dẫn đến hành động phạm tội cướp giật tài sản. Vì vậy, cần có một hình phạt nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Trong vụ án có hai bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên tính chất và mức độ đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự tổ chức, cấu kết chặt chẽ hay phân công vai trò, vị trí cụ thể. Việc phạm tội chỉ nảy sinh và được

thực hiện khi có một người đề xướng, rủ rê thì cả hai đồng thuận nhất trí thực hiện hành vi phạm tội.

Trong 02 bị cáo thì bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo và là người trực tiếp điều khiển phương tiện để V ngồi sau thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Bị cáo đã rủ rê, xúi giục bị cáo V là người dưới 18 tuổi phạm tội. Trong một thời gian ngắn bị cáo đã cùng V thực hiện hai lần cướp giật tài sản, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang có 02 tiền án về tội trộm cắp và cưỡng đoạt tài sản, nên bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999. Bị cáo có nhân thân xấu hiện đang bị các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện Đồng Ph, tỉnh Bình Ph, khởi tố, truy tố và đang trong thời gian chuẩn bị xét xử về tội cướp giật tài sản. Vì vậy trong vụ án này bị cáo phải chịu trách nhiệm chính với mức hình phạt nghiêm khắc hơn so với bị cáo V.

Đối với bị cáo Trần Văn V là đồng phạm, đóng vai trò rất quan trọng trong vụ án, khi nghe T rủ rê bị cáo không từ chối mà hưởng ứng và tham gia rất tích cực. V là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác. Bị cáo đã cùng với bị cáo T thực hiện hai lần hành vi cướp giật tài sản nên cũng phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại tiết 1 điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999. Bị cáo V cũng có nhân thân xấu, đã nhiều lần thực hiện hành vi cướp giật tại huyện Đồng Ph và hiện đang trong thời gian chuẩn bị xét xử.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, HĐXX có xem xét cho các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Vũ đã khắc phục hậu quả do tội phạm gây ra, người bị hại chị Nguyễn Thị Đ đã làm đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo V. Sau khi gây án V đã đến cơ quan Công an huyện Đồng Ph để đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Nên cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 của BLHS 1999, tại thời điểm phạm tội bị cáo Vũ mới 17 tuổi 9 tháng nên cần áp dụng Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự khi quyết định mức hình phạt.

Xét thấy cần cách ly bị cáo Đặng Văn T và Trần Văn V ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để các bị rên luyện, cải tạo trở thành người công dân tốt.

Liên quan trong vụ án có chị Phạm Nguyễn Bảo Tr là người đã có hành vi đem bán chiếc điện thoại di động OPPO A39 và 05 nhẫn vàng mà các bị cáo đã cướp giật được. Tuy nhiên, quá trình bị cáo Tuấn đưa tài sản để đi bán Tr không biết những tài sản đó là do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ để xử lý.

[4] Về vật chứng của vụ án: xét thấy quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch đã xác định đúng chủ sở hữu hợp pháp và trả lại cho họ các tài sản bị chiếm đoạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 áo khoác gió màu xanh sẫm, phía trước ngực bên trái có hình tròn màu trắng, có kí hiệu Nike, đã qua sử dụng cần áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Xét thấy trong quá trình điều tra các bị cáo chưa bồi thường đầy đủ cho những người bị hại, vì vậy cần áp dụng các Điều 584, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự 2015 để buộc các bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại số tiền còn thiếu. Cụ thể: Đối với vợ chồng ông Hoàng Duy Ph, bà Nguyễn Thị Ngh, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 121.055.000 đồng, Cơ quan Điều tra đã thu giữ và trả lại cho bà Ngh 01 chiếc vòng đeo tay trị giá 100.000 đồng, nên số tiền các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường là 120.955.000 đồng, trong đó bị cáo Trần Văn V bồi thường số tiền được ăn chia là 20.000.000 đồng, số tiền còn lại 99.955.000 bị cáo Đặng Văn T sử dụng nên phải có trách nhiệm bồi thường. Đối với chị Nguyễn Thị Đ, tài sản bị chiếm đoạt trị giá 3.861.000đ, các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường. Quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn V và gia đình đã tự nguyện giao nộp số tiền 21.700.000 đồng, trong đó: bồi thường cho chị Nguyễn Thị Đ số tiền 1.930.000 đồng; bồi thường cho ông Hoàng Duy Ph, bà Nguyễn Thị Ngh số tiền 19.770.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo phải bồi thường tiếp cho ông Ph, bà Ngh là 230.000 đồng. Bị cáo Đặng Văn T tự nguyện giao nộp 1.000.000 đồng để bồi thường cho ông Hoàng Duy Ph, bà Nguyễn Thị Ngh. Số tiền còn lại bị cáo phải bồi thường cho ông Ph, bà Ngh là 99.955.000 đồng và bồi thường cho chị Đ là 1.930.000 đồng.

[6] Về án phí: Các bị cáo Đặng Văn T và Trần Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm c, d, g khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, điểm n khoản 1 Điều 48; Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự 1999; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự 2015; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật TTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Văn T và Trần Văn V phạm tội: “*Cướp giật tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn T** 6 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 12/01/2018)

Xử phạt bị cáo **Trần Văn V** 4 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Đặng Văn T với thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Buộc bị cáo Đặng Văn T phải bồi thường cho ông Hoàng Duy Ph và bà Nguyễn Thị Ngh số tiền 99.955.000 đ (*chín mươi chín triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn*) đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Đ số tiền 1.930.000đ (*một triệu chín trăm ba mươi nghìn*) đồng; Buộc bị cáo Trần Văn V phải bồi thường cho ông Hoàng Duy Ph và bà Nguyễn Thị Ngh số tiền 230.000đ (*hai trăm ba mươi nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác gió màu xanh sẫm, đã qua sử dụng. Có đặc điểm được mô tả như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện Quảng Trạch và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch ngày 08/5/2018.

4. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Đặng Văn T và Trần Văn V phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng để sung vào công quỹ nhà nước.

Án phí dân sự sơ thẩm: buộc bị cáo Đặng Văn T phải nộp 4.997.750 đồng; buộc bị cáo Trần Văn V phải nộp 300.000 đồng để sung vào công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm, báo cho các bị cáo, người bị hại, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt), kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án (đối với người vắng mặt)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- CA huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo, người TGTT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Hữu Tình

